

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/LĐ-ST

Ngày: 23-01-2025

V/v tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Hiếu –Ủy viên ban thường vụ Liên đoàn Lao động huyện Cần Giuộc;

2. Ông Trần Văn Đoàn- Cán bộ hưu trí từng công tác tại Phòng Giáo dục đào tạo huyện Cần Giuộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST – LĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim C, sinh năm: 1987, cư trú: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Võ Thị Cẩm Q, sinh năm: 1991, cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

2.2. Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm: 1995, cư trú: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn T1, địa chỉ: Đường số C, khu công nghiệp L, ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh L, địa chỉ: Số H, tuyến tránh, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An. (có văn bản xin vắng mặt)

3.3. Công ty trách nhiệm hữu hạn G, địa chỉ: Lô E, đường T, khu công nghiệp L, ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim C trình bày:

Bà Võ Thị Kim C, bà Võ Thị Cẩm Q và bà Võ Thị Cẩm T là chị em ruột.

Trong thời gian từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 7 năm 2012, bà Võ Thị Kim C có cho em ruột tên là Võ Thị Cẩm Q mượn giấy chứng minh nhân dân số 301128126 do CA tỉnh L cấp ngày 09/7/2008 để ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (viết tắt Công ty TNHH T1); Địa chỉ trụ sở: Lô A đường số C, khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh Long An. Lúc đó Q được công ty đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội mang tên Võ Thị Kim C, số sổ bảo hiểm xã hội là 8009018160 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 11/11/2009.

Trong thời gian từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 thì Võ Thị Cẩm Q có cho người em là Võ Thị Cẩm T mượn giấy chứng minh nhân dân số 301398161 do CA tỉnh L cấp ngày 09/7/2008 để ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T1; Địa chỉ trụ sở: Lô A đường số C, khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh Long An. Lúc đó Võ Thị Cẩm T được công ty đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội mang tên Võ Thị Cẩm Q, số sổ bảo hiểm xã hội là 8011027887 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 10/8/2011. Đến tháng 7 năm 2012 thì Võ Thị Cẩm T xin nghỉ làm.

Đến năm 2015 thì Võ Thị Cẩm T xin việc lại tại Công ty TNHH T1 và được Công ty ký hợp đồng lao động, tham gia Bảo hiểm xã hội số 8015019665 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 06/8/2015.

Bà Võ Thị Kim C ký hợp đồng lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn G (viết tắt Công ty TNHH G); Địa chỉ: Lô E đường T, khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh Long An từ tháng 04 năm 2012 đến tháng 9 năm 2013. Bà C được công ty làm thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội trong thời gian này theo số Sổ bảo hiểm 8012008658 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 29/4/2021. Tháng 9/2013 thì bà C xin nghỉ việc.

Vào thời điểm tháng 7 năm 2012 thì sự việc 3 chị em cho mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm bị Công ty TNHH T1 phát hiện nên Võ Thị Cẩm T xin nghỉ làm và Công ty đã giải quyết sự việc bằng cách: là thời gian Công ty đóng bảo hiểm cho Q (sổ bảo hiểm mang tên Võ Thị Kim C) từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 7/2012 vẫn giữ nguyên và ngưng lại không tiếp tục đóng bảo hiểm. Thời gian đóng bảo hiểm mà Công ty đóng bảo hiểm cho T (sổ bảo hiểm mang tên Võ

Thị Cẩm Q) từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012 vẫn giữ nguyên và dùng sổ này tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho Võ Thị Cẩm Q cho đến nay.

Trong thời gian từ tháng 7 năm 2014 đến 01 năm 2020 thì bà C xin đi làm lại tại Công ty TNHH T1 và được Công ty ký hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội lại với tên Võ Thị Kim C, bà C được Công ty đóng bảo hiểm tiếp tục bằng Sổ 8009018160 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 11/11/2009 (ban đầu sổ này là đóng cho Võ Thị Cẩm Q).

Vào tháng 01/2020 bà C xin nghỉ làm việc tại Công ty TNHH T1, đến khi làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội thì do cùng tên Võ Thị Kim C nhưng trùng thời gian làm việc của 2 Sổ bảo hiểm tại 2 công ty khác nhau nên bà C chưa được giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

Bà Võ Thị Kim C yêu cầu Tòa án: Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty TNHH T1 với người lao động mang tên Võ Thị Cẩm Q (trên hợp đồng lao động ghi tên là Võ Thị Kim C) trong thời gian từ tháng 07 năm 2009 đến tháng 7 năm 2012. Không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Bà C tự nguyện chịu án phí.

Bà Võ Thị Kim C thống nhất để bà Võ Thị Cẩm Q được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Q tại sổ bảo hiểm xã hội 8009018160 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp, từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012, mang tên Võ Thị Kim C.

Bà Võ Thị Kim C đề nghị Tòa án xem xét liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội nêu trên theo quy định.

Bị đơn bà Võ Thị Cẩm T trình bày:

Bà thống nhất sự việc mượn giấy chứng minh nhân dân đi ký kết hợp đồng lao động như bà C trình bày. Theo đó, bà T mượn giấy chứng minh nhân dân số 301398161 do CA tỉnh L cấp ngày 09/7/2008 để ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T1; Địa chỉ trụ sở: Lô A đường số C, khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh Long An. Lúc đó Võ Thị Cẩm T được công ty đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội mang tên Võ Thị Cẩm Q, sổ sổ bảo hiểm xã hội là 8011027887 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 10/8/2011. Đến tháng 7 năm 2012 thì Võ Thị Cẩm T xin nghỉ làm.

Bà Võ Thị Cẩm T xác định bà làm việc tại Công ty TNHH T1, được đóng mã số sổ bảo hiểm xã hội 8015019665, tháng 07/2015 đến tháng 12/2019

Bà C khởi kiện thì bà T đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết.

Bà T có yêu cầu khởi kiện phản tố là vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty TNHH T1 với người lao động mang tên Võ Thị Cẩm T (trên hợp đồng lao động ghi tên là Võ Thị Cẩm Q) trong thời gian từ tháng 07/2011

đến tháng 07/2012. Không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Bà T tự nguyện chịu án phí.

Bà Võ Thị Cẩm T đề nghị Tòa án xem xét liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội nêu trên theo quy định.

Bị đơn bà Võ Thị Cẩm Q trình bày:

Bà thống nhất sự việc mượn giấy chứng minh nhân dân đi ký kết hợp đồng lao động như bà C trình bày.

Trong thời gian từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 7 năm 2012, bà Võ Thị Cẩm Q mượn giấy chứng minh nhân dân số 301128126 do CA tỉnh L cấp ngày 09/7/2008 để ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (viết tắt Công ty TNHH T1); Địa chỉ trụ sở: Lô A đường số C, khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh Long An. Lúc đó Q được công ty đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội mang tên Võ Thị Kim C, số sổ bảo hiểm xã hội là 8009018160 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 11/11/2009.

Trong thời gian từ 7 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 thì Võ Thị Cẩm Q có cho bà Võ Thị Cẩm T mượn giấy chứng minh nhân dân số 301398161 do CA tỉnh L cấp ngày 09/7/2008 để ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T1; Địa chỉ trụ sở: Lô A đường số C, khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh Long An. Lúc đó Võ Thị Cẩm T được công ty đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội mang tên Võ Thị Cẩm Q, số sổ bảo hiểm xã hội là 8011027887 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 10/8/2011. Đến tháng 7 năm 2012 thì Võ Thị Cẩm T xin nghỉ làm.

Bà C, bà T khởi kiện thì bà Q đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết.

Bà Võ Thị Cẩm Q thống nhất để bà Võ Thị Cẩm T được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Q tại sổ bảo hiểm xã hội 8011027887 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp, từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012, mang tên Võ Thị Cẩm Q.

Bà Võ Thị Cẩm Q xác nhận thời gian từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020, bà không làm việc tại Công ty TNHH T1.

Bà Võ Thị Cẩm Q đề nghị Tòa án xem xét liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội nêu trên theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình liên quan đến giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn G đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình liên quan đến giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có ý kiến: Căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và dữ liệu chi trả chính sách BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD, BNN), thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) BHXH tỉnh L cung cấp các thông tin về thời gian đóng BHXH, BHTN, của bà Võ Thị Kim C từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012, từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020 trên sổ sổ 8009018160 tại Công ty TNHH T1, địa chỉ: Lô A, đường số C Khu công nghiệp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN tại BHXH tỉnh L đến ngày 20/01/2025 bà C chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH một lần, nhưng đã hưởng trợ cấp BHTN với thời gian từ tháng 07/2009 đến tháng 01/2020 (kèm theo bản ghi quá trình).

Căn cứ Quy trình thu BHXH, BHTN, BHTNHLĐ, BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT, hợp đồng lao động không được quy định là thành phần hồ sơ nộp kèm khi đơn vị sử dụng lao động đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHTNHLĐ, BNN cho người lao động, BHXH tỉnh L không có tài liệu để cung cấp.

Bảo hiểm xã hội tỉnh L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đối với vụ việc trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Võ Thị Cẩm Q (trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Võ Thị Kim C) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 trong thời gian từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2012.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Võ Thị Cẩm Q (trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Võ Thị Cẩm T) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 trong thời gian từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012.

Đề nghị Hội đồng xét xử xác định Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh để bà Võ Thị Kim C được hưởng sổ bảo hiểm xã hội số 8009018160 từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020 và mã số sổ bảo hiểm xã hội số 8012008658; bà Võ Thị Cẩm T được hưởng sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012 và mã số sổ bảo hiểm xã hội số 8015019665; bà Võ Thị Cẩm Q hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 và số 8009018160 từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012.. Bà Võ Thị Kim C, bà Võ Thị Cẩm Q, bà Võ Thị Cẩm T được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội nêu trên theo quy định.

Bà C, bà T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền: Bà Võ Thị Kim C, bà Võ Thị Cẩm T yêu cầu tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động, các bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 32, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án lao động này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1, Công ty Trách nhiệm hữu hạn G triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần hai vắng mặt. Bà Võ Thị Kim C, bà Võ Thị Cẩm T, bà Võ Thị Cẩm Q, Bảo hiểm xã hội tỉnh L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành phiên tòa mà vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội có mã số sổ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh để bà Võ Thị Kim C được hưởng sổ bảo hiểm xã hội số 8009018160 từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020 và mã số sổ bảo hiểm xã hội số 8012008658; bà Võ Thị Cẩm T được hưởng sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012 và mã số sổ bảo hiểm xã hội số 8015019665; bà Võ Thị Cẩm Q hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 và số 8009018160 từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Kim C, sổ chứng minh thư số 301128126, thì thời gian bà C đóng bảo hiểm là từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012, từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020, làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội có mã số sổ 8012008658, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Kim C, sổ chứng minh thư số 301128126, thì thời gian bà C đóng bảo hiểm là tháng 04/2012 đến tháng 09/2013, làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn G.

Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội có mã số sổ 8011027887, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Cẩm Q, số chứng minh thư số 301398161, thì thời gian bà Q đóng bảo hiểm là tháng 07/2011 đến tháng 8/2014, làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội có mã số sổ 8015019665, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Cẩm T, số chứng minh thư số 301538909, thì thời gian bà T đóng bảo hiểm từ tháng 07/2015 đến tháng 12/2019, làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

[2.2] Bảo hiểm xã hội tỉnh L cung cấp các thông tin về thời gian đóng BHXH, BHTN, của bà Võ Thị Kim C từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012, từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020 trên sổ sổ 8009018160 tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1, địa chỉ: Lô A, đường số C KCN L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

[2.3] Bà Võ Thị Kim C xác định từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2012, bà Võ Thị Cẩm Q làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1, chứ bà C không làm việc.

Bà Võ Thị Cẩm Q xác định từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012, bà Võ Thị Cẩm T làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1, chứ bà Q không làm việc. Tháng 7/2009 đến tháng 7/2012, bà Võ Thị Cẩm Q làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1, chứ bà C không làm việc.

Bà Võ Thị Cẩm T xác định từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012, bà làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

[2.4] Qua chứng cứ nêu trên cơ sở, có xác định lời trình bày của bà Võ Thị Kim C, bà Võ Thị Cẩm Q về việc bà Q mượn chứng minh nhân dân của bà C để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2012 là phù hợp. Đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại Công ty TNHH T1 là bà Q chứ không phải là bà C. Bà Võ Thị Cẩm Q đã vi phạm quy tắc, nghĩa vụ của người lao động theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ; Công ty TNHH T1 chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 khi sử dụng người lao động không đúng đối tượng lao động. Đây là hợp đồng vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim C được chấp nhận.

[2.5] Qua chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định lời trình bày của bà Võ Thị Cẩm T, bà Võ Thị Cẩm Q về việc bà T mượn chứng minh nhân dân của bà Q để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012 là phù hợp. Đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại Công ty TNHH T1 là bà T chứ không phải là bà T. Bà Võ Thị Cẩm T đã vi phạm quy tắc, nghĩa vụ của người lao động theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP

ngày 18/4/2003 của Chính phủ; Công ty TNHH T1 chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 khi sử dụng người lao động không đúng đối tượng lao động. Đây là hợp đồng vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Cẩm T được chấp nhận.

[2.6] Xử lý hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Do công ty TNHH T1, bà Võ Thị Cẩm T, bà Võ Thị Kim C không có yêu cầu gì liên quan đến quyền lợi trong hợp đồng nên không xem xét.

[3] Chế độ bảo hiểm xã hội:

[3.1] Đối với bà Võ Thị Kim C:

[3.1.1] Bà Võ Thị Kim C xác định bà làm việc tại Công ty TNHH T1 từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020 theo sổ bảo hiểm xã hội 8009018160 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp; bà Võ Thị Cẩm Q xác nhận thời gian từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020, bà không làm việc tại Công ty TNHH T1; Công ty TNHH T1 không có ý kiến liên quan đến quá trình làm việc của bà C, bà Q nên Hội đồng xét xử xác định bà Võ Thị Kim C hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8009018160 từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020.

[3.1.2] Bà Võ Thị Kim C xác định bà làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn G, được đóng mã số sổ bảo hiểm xã hội số 8012008658, từ tháng 04/2012 đến tháng 09/2013. Công ty Trách nhiệm hữu hạn G không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện bà C nên Hội đồng xét xử xác định bà Võ Thị Kim C hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8012008658, từ tháng 04/2012 đến tháng 09/2013.

Do bà Võ Thị Kim C hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8009018160 từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020 và có sổ bảo hiểm xã hội 8012008658, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH, bà C được quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để tiến hành thủ tục gộp sổ bảo hiểm xã hội theo quy định; Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh để bà Võ Thị Kim C được hưởng sổ bảo hiểm xã hội số 8009018160 từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020 và mã số sổ bảo hiểm xã hội số 8012008658.

[3.2] Đối với bà Võ Thị Cẩm T:

[3.2.1] Bà Võ Thị Cẩm Q thống nhất để bà Võ Thị Cẩm T được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Q tại sổ bảo hiểm xã hội 8011027887 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp, từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012, mang tên Võ Thị Cẩm Q nên Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh để bà T được hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012.

[3.2.2] Bà Võ Thị Cẩm T xác định bà làm việc tại Công ty TNHH T1, được đóng mã số sổ bảo hiểm xã hội 8015019665, tháng 07/2015 đến tháng 12/2019. Công ty TNHH T1 không có ý kiến liên quan đến yêu cầu phản tố của bà T nên Hội đồng xét xử xác định bà Võ Thị Cẩm T hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8015019665, tháng 07/2015 đến tháng 12/2019.

[3.2.3] Do bà Võ Thị Cẩm T hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012 và có sổ bảo hiểm xã hội số 8015019665, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH, bà T được quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để tiến hành thủ tục gộp sổ bảo hiểm xã hội theo quy định; Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh để bà Võ Thị Cẩm T được hưởng sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012 và mã số sổ bảo hiểm xã hội số 8015019665.

[3.3] Đối với bà Võ Thị Cẩm Q:

Bà Võ Thị Kim C thống nhất để bà Võ Thị Cẩm Q được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Q tại sổ bảo hiểm xã hội 8009018160 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp, từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012, mang tên Võ Thị Kim C nên Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh để bà Q được hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8009018160 từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012.

Do bà Võ Thị Cẩm Q được hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8009018160 từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012 và có sổ bảo hiểm xã hội 8011027887, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH, bà Q được quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để tiến hành thủ tục gộp sổ bảo hiểm xã hội theo quy định; Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh để bà Võ Thị Cẩm Q hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 và số 8009018160 từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012.

[3.5] Về án phí: Bà C, bà T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 7, Điều 8, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002;

Áp dụng Điều 15, Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điều 7, Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/04/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về việc làm;

Áp dụng Điều 10 Nghị định 45/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Áp dụng Điều 19, 21, 23 và Điều 96 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;

Áp dụng Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim C tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Võ Thị Cẩm Q (trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Võ Thị Kim C) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 trong thời gian từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2012.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Cẩm T tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Võ Thị Cẩm Q (trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Võ Thị Cẩm T) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 trong thời gian từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012.

3. Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh để bà Võ Thị Kim C được hưởng sổ bảo hiểm xã hội số 8009018160 từ tháng 07/2014 đến tháng 01/2020 và mã số sổ bảo hiểm xã hội số 8012008658; bà Võ Thị Cẩm T được hưởng sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2012 và mã số sổ bảo hiểm xã hội số 8015019665; bà Võ Thị Cẩm Q hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8011027887 và số 8009018160 từ tháng 07/2009 đến tháng 07/2012.

4. Bà Võ Thị Kim C, bà Võ Thị Cẩm Q, bà Võ Thị Cẩm T được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội nêu trên theo quy định.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Kim C, bà Võ Thị Cẩm T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm. Tạm ứng án phí, bà C, bà T, mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013406 ngày 07/10/2024, 0013885 ngày 31/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, chuyển sang án phí.

6. Án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân